

Số: 2038/QĐ-BKHĐT

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư phát triển
nguồn ngân sách nhà nước năm 2016

BỘ TRƯỞNG BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Căn cứ Nghị định số 116/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 2526/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là các Bộ, ngành trung ương và địa phương) chi tiết kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước năm 2016, bao gồm thu hồi các khoản vốn ứng trước kế hoạch tại các Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Các Bộ, ngành trung ương và địa phương triển khai:

1. Giao chi tiết và thông báo cho các đơn vị phân vốn bù lãi suất tín dụng đầu tư và tín dụng chính sách xã hội; cấp vốn điều lệ; chi bổ sung dự trữ nhà nước theo đúng quy định tại Quyết định số 2526/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ và các quy định hiện hành.

2. Thông báo danh mục và kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân

sách trung ương năm 2016 của từng dự án theo quy định tại Điều 1 Quyết định này.

3. Hoàn trả số vốn ứng trước kế hoạch theo kết quả giải ngân đến hết thời gian quy định theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ, nhưng không vượt quá mức vốn kế hoạch năm 2016 bố trí để hoàn trả các khoản vốn ứng trước. Trước ngày 01 tháng 3 năm 2016, báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính chi tiết danh mục và số vốn kế hoạch năm 2016 thực hoàn trả theo kết quả giải ngân thực tế theo biểu mẫu kèm theo Quyết định này. Số vốn kế hoạch năm 2016 còn lại của dự án (nếu có) thực hiện theo quy định tại Điều 3 Quyết định này.

4. Bố trí tối thiểu mức vốn kế hoạch năm 2016 được giao tại Phụ lục số II kèm theo để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản của từng dự án.

5. Giải ngân kế hoạch vốn nước ngoài (ODA) năm 2016 các chương trình, dự án theo mức vốn kế hoạch được giao tại Quyết định này. Riêng đối với các dự án thuộc chương trình mục tiêu ứng phó biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh, dự án giáo dục đại học từ nguồn vốn vay Ngân hàng thế giới, chương trình nước sạch và vệ sinh nông thôn dựa trên kết quả tại 8 tỉnh đồng bằng sông Hồng, dự án phát triển giáo dục trung học phổ thông giai đoạn 2: quản lý và giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước và theo quyết định đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

6. Trước ngày 31 tháng 01 năm 2016, báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính phương án phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước năm 2016 cho các đơn vị.

7. Định kỳ hàng quý, 6 tháng, cả năm báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính tình hình thực hiện và giải ngân vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước kế hoạch năm 2016 của quý trước theo biểu mẫu kèm theo Quyết định này.

8. Chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ và các cơ quan thanh tra, kiểm toán về tính chính xác của các thông tin, số liệu của các dự án do Bộ, ngành trung ương và địa phương quản lý. Trường hợp phát hiện các thông tin, số liệu không chính xác, phải kịp thời gửi báo cáo cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Điều 3. Thời gian giải ngân kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước năm 2016 thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công và Điều 46 của Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của

Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Thủ trưởng cơ quan khác ở Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc các Tập đoàn kinh tế, các Tổng công ty nhà nước, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ (5b);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ; cơ quan thuộc CP;
- VP Ban Chỉ đạo TW về phòng, chống tham nhũng;
- UBTCNS, UBKT của Quốc hội;
- Đoàn đại biểu Quốc hội, HĐND, UBND, Sở Kế hoạch và Đầu tư các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Bộ Tài chính;
- UB Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty;
- Các hội, đoàn thể;
- Lãnh đạo Bộ;
- Các đơn vị liên quan trong Bộ;
- Lưu: VT, Vụ TH (3 bản).



Bùi Quang Vinh



Phụ lục I

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2016

(Phụ lục kèm theo Quyết định số 2038/QĐ-BKHĐT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Kế hoạch năm 2016		
		Tổng số	Trong nước	Nước ngoài
	TỔNG SỐ	485.100	460.100	25.000⁽¹⁾
	ĐẦU TƯ THEO NGÀNH, LĨNH VỰC	485.100	460.100	25.000
I	Số vốn bố trí đúng quy định	465.100	440.100	25.000
(1)	Khoa học, công nghệ	35.000	35.000	
(2)	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	80.000	55.000	25.000
(3)	Y tế, dân số và vệ sinh an toàn thực phẩm	60.000	60.000	



STT	Ngành, lĩnh vực	Kế hoạch năm 2016		
		Tổng số	Trong nước	Nước ngoài
(4)	Xã hội	290.000	290.000	
(5)	Quản lý nhà nước	100	100	
II	Số vốn bố trí chưa đúng quy định, chưa phân bổ chi tiết, hoặc thông tin số liệu chưa rõ ràng cần tiếp tục rà soát	10.000	10.000	
III	Số vốn bố trí cho các dự án khởi công mới chưa đủ thủ tục đầu tư, cần hoàn thiện thủ tục đầu tư trước ngày 31/3/2016	10.000	10.000	

Ghi chú:

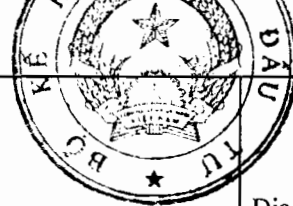
⁽¹⁾ Giải ngân theo đúng kế hoạch được giao.



TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTCP giao KH năm 2012, 2013		Lũy kế đã bố trí vốn đến hết năm 2015		Kế hoạch năm 2016			
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW				Tổng số	Thanh toán nợ XDCB
	+ Số dự án								5		
	+ Số vốn								105.342		
	Dự án chuyển tiếp										
	+ Số dự án								12		
	+ Số vốn								235.712		
	Dự án khởi công mới										
	+ Số dự án								8		
	+ Số vốn								90.189		
I	NGÀNH KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ				122.760	122.760	69.431	69.431	35.000	35.000	
	Thực hiện dự án				122.760	122.760	69.431	69.431	35.000	35.000	
	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2016				122.760	122.760	69.431	69.431	35.000	35.000	
	<i>Dự án nhóm B</i>				<i>122.760</i>	<i>122.760</i>	<i>69.431</i>	<i>69.431</i>	<i>35.000</i>	<i>35.000</i>	
	Nhà nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật công nghệ Tp Hồ Chí Minh (giai đoạn 1)	Tp. HCM	2013-2017	1379/QĐ-LĐT BXH ngày 05/10/12	122.760	122.760	69.431	69.431	35.000	35.000	



TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTCP giao KH năm 2012, 2013		Lũy kế đã bố trí vốn đến hết năm 2015		Kế hoạch năm 2016			
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW				Tổng số	Thanh toán nợ XDCB
II	NGÀNH Y TẾ DÂN SỐ, VỆ SINH AN TOÀN THỰC PHẨM										
	Thực hiện dự án				249.077	219.077	50.000	40.000	60.000	60.000	
	Các dự án chuyển tiếp, hoàn thành sau năm 2016				249.077	219.077	50.000	40.000	60.000	60.000	
	Dự án nhóm B				249.077	219.077	50.000	40.000	60.000	60.000	
	Bệnh viện Chính hình và phục hồi chức năng TP Hồ Chí Minh	TP Hồ Chí Minh	2015-2019	1448 30/10/2014	249.077	219.077	50.000	40.000	60.000	60.000	
III	NGÀNH GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP										
a	Chuẩn bị đầu tư								300	300	
	Trường Đại học Lao động xã hội - cơ sở Tp. Hồ Chí Minh	Tp. HCM							300	300	
b	Thực hiện dự án				348.047	459.924	247.548	247.548	48.700	48.700	



TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTCP giao KH năm 2012, 2013			Lũy kế đã bố trí vốn đến hết năm 2015		Kế hoạch năm 2016		
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW				Tổng số	Thanh toán nợ XDCB
	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2016				219.167	219.167	190.656	190.656	28.511	28.511	
	<i>Dự án nhóm B</i>				219.167	219.167	190.656	190.656	28.511	28.511	
	Trường Sư phạm kỹ thuật Vĩnh Long	Vĩnh Long	2010-2016	937, 6/8/2010; 738, 24/6/2014	219.167	219.167	190.656	190.656	28.511	28.511	
	Dự án khởi công mới năm 2016				128.880	128.880			20.189	20.189	
	<i>Dự án nhóm B</i>				128.880	128.880			20.189	20.189	
	Trường Cao đẳng nghề kỹ thuật công nghệ Dung Quất	Quảng Ngãi		1569, 29/10/2015	128.880	128.880			20.189	20.189	
III	NGÀNH XÃ HỘI				1.828.865	1.828.865	781.199	781.199	290.000	290.000	657
1	Chuẩn bị đầu tư								1.800	1.800	
(1)	Trung tâm phục hồi sức khỏe người có công Sầm Sơn	Thanh Hóa							300	300	
(2)	Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Bình Định	Bình Định							300	300	
(3)	Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Sơn La	Sơn La							300	300	



TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTCP giao KH năm 2012, 2013			Lũy kế đã bố trí vốn đến hết năm 2015		Kế hoạch năm 2016		
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW				Tổng số	Thanh toán nợ XDCB
(4)	Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Vĩnh Long	Vĩnh Long						300	300		
(5)	Trung tâm điều dưỡng người có công Sa Pa - giai đoạn 2	Lào Cai						300	300		
(6)	Trung tâm điều dưỡng thương binh Lạng Giang	Bắc Giang						300	300		
2	Thực hiện dự án				1.828.865	1.828.865	781.199	781.199	288.200	288.200	657
a	Các dự án hoàn thành, bàn giao đi vào sử dụng trước 31/12/2015				256.000	256.000	249.442	249.442	657	657	657
	<i>Dự án nhóm B</i>				<i>256.000</i>	<i>256.000</i>	<i>249.442</i>	<i>249.442</i>	<i>657</i>	<i>657</i>	<i>657</i>
(1)	Trung tâm giới thiệu việc làm khu vực miền Trung	Đà Nẵng	2009-2013	22, 07/01/2009	108.000	108.000	103.888	103.888	46	46	46
(2)	Trung tâm giới thiệu việc làm khu vực miền Nam	Đồng Nai	2009-2013	367, 12/3/2010	148.000	148.000	145.554	145.554	611	611	611
b	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2016				253.032	253.032	176.201	176.201	76.831	76.831	
	<i>Dự án nhóm B</i>				<i>209.292</i>	<i>209.292</i>	<i>149.001</i>	<i>149.001</i>	<i>60.291</i>	<i>60.291</i>	



TT	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTCP giao KH năm 2012, 2013		Lũy kế đã bố trí vốn đến hết năm 2015		Kế hoạch năm 2016				
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW				Tổng số	Thanh toán nợ XDCB	
(1)	Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Bắc Giang	Bắc Giang	2013-2016	1499, 24/10/2012	89.259	89.259	62.600	62.600	26.659	26.659	
(2)	Trung tâm điều dưỡng người có công Lạng Sơn	Lạng Sơn	2013-2016	1469, 22/10/2012	69.027	69.027	44.901	44.901	24.126	24.126	
(3)	Đền tưởng niệm liệt sỹ tỉnh Thái Bình	Thái Bình	2013-2016	1014, 9/8/2012	51.006	51.006	41.500	41.500	9.506	9.506	
	Dự án nhóm C				43.740	43.740	27.200	27.200	16.540	16.540	
	Trung tâm điều dưỡng người có công Quảng Ninh (giai đoạn 2)	Quảng Ninh	2014-2016	1615, 21/10/2013	43.740	43.740	27.200	27.200	16.540	16.540	
c	Các dự án chuyển tiếp, hoàn thành sau năm 2016				821.126	821.126	355.556	355.556	140.712	140.712	
	Dự án nhóm B				821.126	821.126	355.556	355.556	140.712	140.712	
(1)	Trung tâm điều dưỡng người có công khu vực miền Trung	Đà Nẵng	2013-2017	1373, 4/10/2012	236.682	236.682	152.200	152.200	32.000	32.000	
(2)	Nghĩa trang liệt sỹ quốc tế Quảng Bình	Quảng Bình	2013-2017	1118, 27/8/2012	72.760	72.760	44.456	44.456	14.712	14.712	



TT	Đanh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTCP giao KH năm 2012, 2013			Lũy kế đã bố trí vốn đến hết năm 2015		Kế hoạch năm 2016		
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW				Tổng số	Thanh toán nợ XDCB
(3)	Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Khánh Hòa (giai đoạn 2)	Khánh Hòa	2014-2017	1616, 21/10/2013	88.832	88.832	37.100	37.100	18.000	18.000	
(4)	Trung tâm Chính hình, phục hồi chức năng Cần Thơ	Cần Thơ	2014-2017	1631, 22/10/2013	93.452	93.452	32.900	32.900	18.000	18.000	
(5)	Trung tâm điều dưỡng người có công Quảng Trị	Quảng Trị	2014-2017	1632, 22/10/2013	62.613	62.613	33.200	33.200	18.000	18.000	
(6)	Trung tâm điều dưỡng người có công Thừa Thiên Huế	Thừa Thiên Huế	2015-2017	1413, 24/10/2014	48.171	48.171	10.000	10.000	10.000	10.000	
(7)	Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Ninh Bình	Ninh Bình	2015-2018	1410, 24/10/2014	80.560	80.560	17.300	17.300	10.000	10.000	
(8)	Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Đắk Lắk	Đắk Lắk	2015-2018	1411, 24/10/2014	68.306	68.306	14.200	14.200	10.000	10.000	
(9)	Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Cao Bằng	Cao Bằng	2015-2018	1447, 30/10/2014	69.750	69.750	14.200	14.200	10.000	10.000	
d	Các dự án khởi công mới năm 2016				498.707	498.707			70.000	70.000	



TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTCP giao KH năm 2012, 2013		Lũy kế đã bố trí vốn đến hết năm 2015		Kế hoạch năm 2016			
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW				Tổng số	Thanh toán nợ XD/CB
	Dự án nhóm B				498.707	498.707			70.000	70.000	
(1)	Trung tâm nuôi dưỡng thương binh tâm thần kinh Nghệ An	Nghệ An	2016-2018	1566, 28/10/2015	59.978	59.978			10.000	10.000	
(2)	Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Nam Định	Nam Định	2016-2018	1591, 30/10/2015	74.394	74.394			10.000	10.000	
(3)	Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Hà Nam	Hà Nam	2016-2018	1594, 30/10/2015	70.855	70.855			10.000	10.000	
(4)	Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Hưng Yên	Hưng Yên	2016-2019	1592, 30/10/2015	75.880	75.880			10.000	10.000	
(5)	Trung tâm điều dưỡng người có công Lâm Đồng - giai đoạn 2	Lâm Đồng	2016-2019	1595, 30/10/2015	59.100	59.100			10.000	10.000	
(6)	Trung tâm phục hồi chức năng trẻ tàn tật Thụy An	Hà Nội	2016-2019	1596, 30/10/2015	80.000	80.000			10.000	10.000	
(7)	Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Tây Ninh	Tây Ninh	2016-2019	1593, 30/10/2015	78.500	78.500			10.000	10.000	



TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTCP giao KH năm 2012, 2013		Lũy kế đã bố trí vốn đến hết năm 2015		Kế hoạch năm 2016			
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW				Tổng số	Thanh toán nợ XDCB
V	QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC (CÁC BỘ, NGÀNH TRUNG ƯƠNG)				100.000	100.000			100	100	
	Chuẩn bị đầu tư				100.000	100.000			100	100	
	Dự án cải tạo trụ sở Cục bảo trợ xã hội tại 35 Trần phú Hà nội	Hà Nội			100.000	100.000			100	100	

Ghi chú: (1) Số vốn kế hoạch nguồn ngân sách trung ương năm 2016 bố trí tối thiểu để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản.



Phụ lục III

BỘ TRƯỞNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC (VỐN NƯỚC NGOÀI) NĂM 2016 ĐÚNG QUY ĐỊNH

(Phụ lục kèm theo Quyết định số 2038/QĐ- BKHĐT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Đơn vị: Triệu đồng

Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTCP giao KH năm 2012, 2013						Kế hoạch năm 2016				
		Số quyết định	TMĐT				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)		Tổng số	Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)	
				Tổng số	Trong đó: NSTW	Tính bằng ngoại tệ			Quy đổi ra tiền Việt	Tổng số		Trong đó: NSTW
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
TỔNG SỐ			81.384	40.884	40.884		40.500	31.000	6.000	6.000	25.000⁽¹⁾	
- Số dự án									1	1		
- Số vốn									31.000	6.000		
<i>Trong đó:</i>												
+ Số dự án									1	1		
+ Số vốn									31.000	6.000		
NGÀNH GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP			81.384	40.884	40.884		40.500	31.000	6.000	6.000	25.000	
Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2016			81.384	40.884	40.884		40.500	31.000	6.000	6.000	25.000	
Dự án thành phần 5 thuộc dự án "Đầu tư phát triển các trường dạy nghề chất lượng cao" sử dụng ODA của Chính phủ Pháp	2014-2017	775/QĐ-LĐTĐ ngày 20/5/2013	81.384	40.884	40.884	1,5 triệu EURO	40.500	31.000	6.000	6.000	25.000	

Ghi chú: (1) Giải ngân theo đúng kế hoạch được giao.

BIỂU MẪU BÁO CÁO ÁP DỤNG CHO CÁC BỘ, NGÀNH, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG

(Biểu mẫu kèm theo Quyết định số 2038/QĐ-BKHĐT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

www.LuatVietnam.vn

Biểu mẫu số I*(Áp dụng cho các bộ, ngành trung ương)**(Biểu mẫu kèm theo Quyết định số 2038/QĐ-BKHĐT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)***Bộ, ngành trung ương.....****TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
NGUỒN NSNN NĂM 2016 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2015 KÉO DÀI (NẾU CÓ)***(Báo cáo tình hình thực hiện và giải ngân hàng quý trước ngày 10 tháng đầu tiên của quý tiếp theo; báo cáo 6 tháng trước ngày 10 tháng 7 năm 2016; báo cáo cả năm trước ngày 28 tháng 02 năm 2017)**Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Chương trình/ngành, lĩnh vực	Kế hoạch năm 2015 được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài sang năm 2016 (nếu có)			Kế hoạch năm 2016			Khối lượng thực hiện từ 01/01/2016 đến tháng cuối quý trước			Giải ngân KH 2016 từ ngày 01/01/2016 và KH 2015 kéo dài (nếu có) từ ngày 01/02/2016 đến hết tháng cuối quý trước		
		Tổng số	Trong nước	Nước ngoài	Tổng số	Trong nước	Nước ngoài	Tổng số	Trong nước	Nước ngoài	Tổng số	Trong nước	Nước ngoài
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	TỔNG SỐ VỐN												
I	Đầu tư theo ngành, lĩnh vực												
1	Chuẩn bị đầu tư												
2	Thực hiện dự án												
II	Đầu tư các chương trình mục tiêu												

STT	Chương trình/ngành, lĩnh vực	Kế hoạch năm 2015 được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài sang năm 2016 (nếu có)			Kế hoạch năm 2016			Khối lượng thực hiện từ 01/01/2016 đến tháng cuối quý trước			Giải ngân KH 2016 từ ngày 01/01/2016 và KH 2015 kéo dài (nếu có) từ ngày 01/02/2016 đến hết tháng cuối quý trước		
		Tổng số	Trong nước	Nước ngoài	Tổng số	Trong nước	Nước ngoài	Tổng số	Trong nước	Nước ngoài	Tổng số	Trong nước	Nước ngoài
III	Bù lãi suất tín dụng đầu tư												
IV	Bù lãi suất tín dụng chính sách xã hội												
V	Chi bổ sung dự trữ nhà nước												
VI	Cấp vốn điều lệ												

www.LuatVietnam.vn

Biểu mẫu số II

(Áp dụng cho các bộ, ngành trung ương)

(Biểu mẫu kèm theo Quyết định số 2038/QĐ-BKHDT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Bộ, ngành trung ương.....

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ NGUỒN NSNN (VỐN TRONG NƯỚC) KẾ HOẠCH NĂM 2016 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2015 KÉO DÀI (NẾU CÓ)

(Báo cáo tình hình thực hiện và giải ngân hàng quý trước ngày 10 tháng đầu tiên của quý tiếp theo; báo cáo 6 tháng trước ngày 10 tháng 7 năm 2016; báo cáo cả năm trước ngày 28 tháng 02 năm 2017)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết KH 2015		Lũy kế giải ngân vốn đã bố trí đến hết 31/12/2015			Kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN năm 2015 được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài (nếu có)	Kế hoạch năm 2016		Khối lượng thực hiện từ 01/01/2016 đến tháng cuối quý trước	Giải ngân KH 2016 từ ngày 01/01/2016 và KH 2015 kéo dài (nếu có) từ ngày 01/02/2016 đến hết tháng cuối quý trước		Ghi chú
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSNN		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSNN	
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSNN				Tổng số	Trong đó: KH 2015							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
	TỔNG SỐ																
A	ĐẦU TƯ THEO NGÀNH, LĨNH VỰC																
I	Ngành, Lĩnh vực.....																
1	Chuẩn bị đầu tư																
(1)	Dự án																
																
2	Thực hiện dự án																
a	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đi vào sử dụng trước ngày 31/12/2015																
(1)	Dự án ...																
																
b	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2016																
(1)	Dự án ...																

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bỏ tri đến hết KH 2015		Lũy kế giải ngân vốn đã bỏ tri đến hết 31/12/2015			Kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN năm 2015 được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài (nếu có)	Kế hoạch năm 2016		Khối lượng thực hiện từ 01/01/2016 đến tháng cuối quý trước	Giải ngân KH 2016 từ ngày 01/01/2016 và KH 2015 kéo dài (nếu có) từ ngày 01/02/2016 đến hết tháng cuối quý trước		Ghi chú
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSNN		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSNN	
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSNN				Tổng số	Trong đó: KH 2015							
I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
...																
c	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2016																
(1)	Dự án ...																
...																
d	Các dự án khởi công mới năm 2016																
(1)	Dự án ...																
...																
II	Ngành, Lĩnh vực																
	PHÂN LOẠI NHƯ MỤC I																
...																
B	ĐẦU TƯ CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU																
I	Chương trình																
...	PHÂN LOẠI NHƯ MỤC A																

Biểu mẫu số III
(Áp dụng cho các bộ, ngành trung ương)

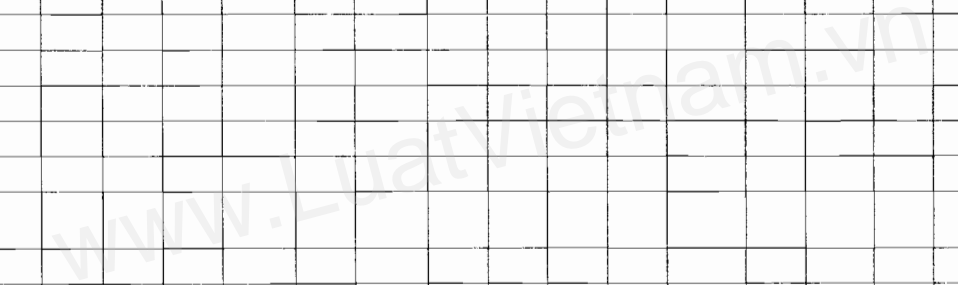
(Kèm theo Quyết định số 2038/QĐ-BKHĐT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Bộ, ngành trung ương.....

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN NƯỚC NGOÀI VÀ VỐN ĐỐI ỨNG NĂM 2016 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2015 KÉO DÀI (NẾU CÓ) CỦA CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ODA
(Báo cáo tình hình thực hiện và giải ngân hàng quý trước ngày 10 tháng đầu tiên của quý tiếp theo; báo cáo 6 tháng trước ngày 10 tháng 7 năm 2016, báo cáo cả năm trước ngày 28 tháng 02 năm 2017)

Đơn vị: Triệu đồng

Table with 50 columns and multiple rows. Columns include: TT, Danh mục dự án, Địa điểm XD, Năng lực thiết kế, Thời gian KC-HT, Quyết định đầu tư được TTCP giao KH năm 2012, 2013, Quyết định đầu tư điều chỉnh sau thời điểm giao KH năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ, Lũy kế vốn đã bố trí đến hết KH năm 2015, Giải ngân từ khởi công đến 31/01/2016, KH vốn đối ứng năm 2015 được cấp cơ thẩm quyền cho phép kéo dài (nếu có), KH năm 2016, Khối lượng thực hiện từ ngày 01/02/2016 đến hết tháng cuối quý trước, Giải ngân KH 2016 từ ngày 01/01/2016 và KH 2015 kéo dài (nếu có) từ ngày 01/02/2016 đến hết tháng cuối quý trước, Ghi chú.



TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được TTCP giao KH năm 2012, 2013				Quyết định đầu tư điều chỉnh sau thời điểm giao KH năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ				Lũy kế vốn đã bỏ trị đến hết KH năm 2015				Giải ngân từ khởi công đến 31/01/2016				KH vốn đối ứng năm 2015 được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài (nếu có)			KH năm 2016			Khởi công thực hiện từ ngày 01/02/2016 đến hết tháng cuối quý trước			Giải ngân KH 2016 từ ngày 01/01/2016 và KH 2015 kéo dài (nếu có) từ ngày 01/02/2016 đến hết tháng cuối quý trước			Ghi chú					
					Số quyết định	TMDT				Số quyết định	TMDT				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó											
							Vốn đối ứng					Vốn đối ứng					Vốn đối ứng					Trong đó					Trong đó											
							Vốn đối ứng					Vốn đối ứng					Vốn đối ứng					Trong đó					Trong đó											
(1)	Dự án																																					
c	Dự án nhóm C																																					
(1)	Dự án																																					
II	Ngành, Lĩnh vực/Chương trình.....																																					
	Phân loại như mục I nếu trên																																					

www.LuatVietnam.vn

